

Số: 868 /ĐHTN/ĐTSDH

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 4 năm 2020

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

1.1.1. Tên trường

- Tên trường: Trường Đại học Tây Nguyên
- Tên tiếng Anh: Tay Nguyen University
- Tên giao dịch quốc tế viết tắt: TNU

1.1.2 Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

- Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
- Website: <https://www.ttn.edu.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường cho đến thời điểm xây dựng đề án

- Số ngành đào tạo: 05
- Quy mô đào tạo: 10 NCS

T	Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô
1	Khoa học cây trồng	9620110	7
2	Lâm sinh	9620205	1
3	Kinh tế nông nghiệp	9620115	2
4	Chăn nuôi	9620105	0
5	Công nghệ sinh học	9420201	0

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

Công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

2.2. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện xét tuyển dựa trên hồ sơ dự tuyển của ứng viên: Văn bằng tốt nghiệp đại học, bằng Thạc sĩ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ minh chứng về năng lực ngoại ngữ, thâm niên công tác trong lĩnh vực nghiên cứu, thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu của ít nhất 02 nhà khoa học đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và kết quả đánh giá đề cương nghiên cứu của Tiểu ban chuyên môn.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

TT	Ngành	Chỉ tiêu
1	Khoa học cây trồng	5
2	Lâm sinh	5
3	Kinh tế nông nghiệp	5
4	Chăn nuôi	5
5	Công nghệ sinh học	5

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

2.4.1. Các hướng nghiên cứu và danh sách nhà khoa học tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh

2.4.1.1. Ngành Khoa học cây trồng

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1.	Giống cây trồng, canh tác cây trồng ngắn ngày: Lương thực, cây công nghiệp, rau...	TS. Trần Văn Thủy, TS. Nguyễn Văn Minh
2.	Kỹ thuật canh tác cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả...	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, TS. Nguyễn Xuân An, TS. Trần Ngọc Duyên, TS. Nguyễn Văn Minh
3.	Hệ thống canh tác nông nghiệp, kỹ thuật cây trồng	PGS.TS. Trần Trung Dũng, TS. Nguyễn Văn Minh TS. Nguyễn Xuân An TS. Trần Ngọc Duyên
4.	Nông nghiệp bền vững và môi trường	PGS.TS. Trần Trung Dũng, PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng
5.	Sử dụng hợp lý và quản lý tài nguyên thiên nhiên	PGS.TS. Trần Trung Dũng
6.	Sinh lý chống chịu cây trồng, chất sinh trưởng và cây trồng, canh tác nông nghiệp công nghệ cao	PGS. TS. Phan Văn Tân, PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng TS. Nguyễn Đình Sỹ
7.	Công nghệ sinh học cây trồng, vi sinh vật nông nghiệp, hóa sinh cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Nam
8.	Biện pháp kỹ thuật quản lý dịch hại cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam
9.	Tính chống chịu sâu bệnh, môi trường của cây trồng, vi sinh vật và cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, PGS. TS. Phan Văn Tân
10.	Phân bón và cây trồng	TS. Nguyễn Văn Sanh

2.4.1.2. Ngành Lâm sinh

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
11.	Sử dụng hợp lý và quản lý tài nguyên thiên nhiên	PGS.TS. Trần Trung Dũng GS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương TS. Võ Hùng TS. Cao Thị Lý
12.	Bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên; vườn quốc gia, Bảo tồn tài nguyên rừng và sinh kế cộng đồng	GS.TS. Bảo Huy TS. Cao Thị Lý PGS.TS. Trần Trung Dũng
13.	Bảo tồn động vật hoang dã và quản lý xung đột giữa Động vật hoang dã - Người	TS. Cao Thị Lý
14.	Sinh thái rừng nhiệt đới	GS.TS. Bảo Huy TS. Võ Hùng
15.	Phối hợp dữ liệu viễn thám và GIS trong điều tra rừng, điều tra đa dạng sinh học, sinh thái cảnh quan rừng	GS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
16.	Lượng hóa tài nguyên rừng dựa vào nguồn đa dữ liệu không gian và phi không gian	GS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
17.	Sinh thái cảnh quan rừng	GS.TS. Bảo Huy
18.	Phục hồi rừng nhiệt đới	GS.TS. Bảo Huy TS. Nguyễn Thanh Tân PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương
19.	Đặc điểm lâm học và sinh thái học của các loài cây có giá trị bảo tồn cao	GS.TS. Bảo Huy TS. Cao Thị Lý
20.	Quản lý rừng để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu	GS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Trần Trung Dũng TS. Võ Hùng
21.	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng Sinh khối và carbon rừng	GS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
22.	Nông lâm kết hợp trong biến đổi khí hậu Lâm sản ngoài gỗ và sinh kế cộng đồng	TS. Võ Hùng
23.	Kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý tài nguyên rừng	GS.TS. Bảo Huy TS. Võ Hùng
24.	Sản lượng rừng Cấu trúc, tái sinh, diễn thế rừng nhiệt đới	GS.TS. Bảo Huy TS. Nguyễn Thanh Tân

25.	Chế biến lâm sản	TS. Đào Xuân Thu TS. Nguyễn Thanh Tân
-----	------------------	--

2.4.1.3. Ngành Kinh tế nông nghiệp

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Năng lực cạnh tranh ngành/ sản phẩm/ doanh nghiệp nông nghiệp	TS. Đỗ Thị Nga TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Lê Thế Phiệt
2	Chính sách nông nghiệp	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm, TS. Dương Thị Ái Nhi
3	Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững	PGS.TS. Trần Trung Dũng TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm, TS. Đỗ Thị Nga TS. Nguyễn Văn Hóa
4	Kinh tế trang trại và nông hộ	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm, TS. Dương Thị Ái Nhi TS. Nguyễn Ngọc Thắng
5	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	PGS.TS. Lê Đức Niêm TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm, TS. Nguyễn Ngọc Thắng
6	Kinh tế và quản lý các nguồn lực trong nông nghiệp	PGS.TS. Trần Trung Dũng TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm
7	Năng lực cạnh tranh ngành/ sản phẩm/ doanh nghiệp nông nghiệp	TS. Đỗ Thị Nga TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Lê Thế Phiệt
8	Hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp	TS. Nguyễn Văn Hóa TS. Hồ Quốc Thông TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm
9	Chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp	PGS. TS. Phan Văn Tân TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Nguyễn Thị Hải Yến
10	Marketing trong nông nghiệp	TS. Lê Thế Phiệt TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Nguyễn Ngọc Thắng
11	Thương mại trong nông nghiệp	PGS.TS. Lê Đức Niêm TS. Đỗ Thị Nga TS. Lê Thế Phiệt
12	An toàn lương thực thực phẩm	PGS. TS. Trần Quang Hạnh

		PGS. TS. Phan Văn Tân TS. Nguyễn Thanh Trúc
13	Quản lý rủi ro trong nông nghiệp	TS. Nguyễn Ngọc Thắng TS. Hồ Quốc Thông TS. Nguyễn Văn Đạt
14	Bảo hiểm trong nông nghiệp	TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm
15	Quản lý và thẩm định dự án phát triển nông thôn	PGS.TS. Lê Đức Niêm TS. Nguyễn Ngọc Thắng TS. Nguyễn Văn Đạt
16	Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp	TS. Lê Đức Niêm TS. Nguyễn Ngọc Thắng TS. Nguyễn Văn Đạt
17	Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn	TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm
18	Sinh kế cho người dân nghèo ở khu vực nông thôn	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm PGS.TS. Lê Đức Niêm TS. Đỗ Thị Nga
19	Chuỗi giá trị sản phẩm nông sản	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm TS. Đỗ Thị Nga
20	Tín dụng trong nông nghiệp	TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Nguyễn Ngọc Thắng

2.4.1.4. Ngành Chăn nuôi

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Chăn nuôi động vật nhai lại	PGS.TS. Trần Quang Hạnh PGS. TS. Văn Tiến Dũng TS. Nguyễn Tuấn Hùng, PGS. TS Phạm Thế Huệ
2	Nuôi dưỡng động vật ăn cỏ	PGS.TS. Văn Tiến Dũng PGS.TS. Nguyễn Tấn Vui, GS.TS. Lê Đức Ngoan
3	Dinh dưỡng gia súc nhai lại	TS. Trương Tấn Khanh, PGS. TS Văn Tiến Dũng PGS.TS. Trần Quang Hạnh
4	Thức ăn và cây thức ăn chăn nuôi	TS. Trương Tấn Khanh,
5	Dinh dưỡng động vật	TS. Trương Tấn Khanh, PGS.TS. Trần Quang Hạnh, GS.TS. Lê Đức Ngoan,

6	Di truyền, Giống vật nuôi	PGS.TS Trần Quang Hân, PGS. TS. Phạm Thế Huệ, GS. Đặng Vũ Bình
7	Sinh lý, Sinh hóa động vật	PGS.TS. Nguyễn Tấn Vui PGS.TS. Trần Quang Hân
8	Chăn nuôi động vật	PGS.TS. Văn Tiến Dũng, TS. Vũ Tiến Quang, PGS. TS. Trần Quang Hạnh, PGS. TS Trần Quang Hân

2.4.1.5. Ngành Công nghệ sinh học

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	- Công nghệ sinh học vi sinh nông nghiệp - Công nghệ sinh học Vi sinh vật trong sản xuất thuốc kháng sinh, enzyme, chất ức chế enzyme, vật liệu nano sinh học ứng dụng trong sinh y học, nông nghiệp	GS.TS. Nguyễn Anh Dũng
2	- Nghiên cứu tách chiết, cô lập và đánh giá hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên từ động vật, thực vật và vi sinh vật - Nghiên cứu ứng dụng các hợp chất tự nhiên trong thực phẩm, dược phẩm và trong kiểm soát sinh học trong nông nghiệp - Nghiên cứu phát triển các sản phẩm thực phẩm chức năng hỗ trợ các bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa như béo phì, đái tháo đường...	PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh PGS.TS. ChiaHung Yen – Đại học Y khoa Cao Hùng
3	- Nuôi cấy tế bào thực vật để thu nhận các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học cao. - Công nghệ gen tế bào thực vật trong tuyển chọn giống và chuyển gene thực vật.	TS. Nguyễn Đình Sỹ
4	- Công nghệ sinh học vi sinh vật tạo chế phẩm sinh học ứng dụng trong sinh y học, nông nghiệp. - Các chất có hoạt tính sinh học từ cây thuốc và vi sinh vật bản địa Tây Nguyên, ứng dụng trong phát triển thuốc và thực phẩm chức năng.	TS. Nguyễn Văn Bốn

5	- Nghiên cứu khai thác vi sinh vật bản địa. Biến đổi khí hậu đến đa dạng vi sinh vật.	PGS.TS. Trần Trung Dũng
6	- Nghiên cứu vi sinh vật trong Bảo vệ thực vật bằng biện pháp sinh học.	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam
7	Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học nấm dược liệu, công nghệ nuôi trồng nấm dược liệu bản địa	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên
8	- Nghiên cứu nuôi cấy mô thực vật trong nhân giống và phát triển một số cây dược liệu đặc trưng ở Tây Nguyên. - Ứng dụng CNSH trong chế biến cây công nghiệp, trái cây.	PGS.TS. Phan Văn Tân
9	- Nghiên cứu thành phần các hợp chất có hoạt tính sinh học và phương pháp thu nhận các hoạt chất này từ các loại phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm. - Nghiên cứu tách chiết và phân lập các hoạt chất sinh học từ nguồn nguyên liệu tự nhiên để sử dụng trong thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm.	TS. Hoàng Văn Chuyển
10	- Nghiên cứu các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học trong địa y, cây thuốc, nấm dược liệu ứng dụng trong lĩnh vực y dược học.	TS. Nguyễn Thị Thanh
11	- Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn nguồn gen thực vật. - CNSH trong chọn tạo giống cây trồng năng suất cao và kháng bệnh.	TS. Trần Thị Phương. Hạnh
12	- Enzyme vi sinh vật, enzyme tái tổ hợp, protein tái tổ hợp	TS. Trần Minh Định PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng GS.TS. Kazushi Suzuki (Đại học Niigata, Nhật Bản) PGS.TS. Hayuki Sugimoto (Đại học Niigata, Nhật Bản)
13	- Vi sinh ứng dụng sản xuất enzyme, các chất có hoạt tính sinh học - CNSH vi sinh vật sử dụng phụ phẩm và xử lý	GS.TS. San Lang Wang (Đại học Tamkang, Đài Loan) TS. Nguyễn Văn Bốn

	môi trường	TS. Đoàn Chiến Thắng
14	- CNSH vi sinh vật trong nông nghiệp bền vững, thân thiện môi trường	GS.TS. Kim Yong Kil (Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc)
15	- Vi sinh vật nội sinh, vùng rễ kháng nấm bệnh, tuyến trùng trong kiểm soát bệnh cây trồng.	GS.TS. Philippe Rolhausen, Đại học University of California, Riverside, Hoa Kỳ

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ đã và đang triển khai

a) Nhóm Ngành Nông – Lâm nghiệp

TT	Tên đề tài	Cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ trì	Thời hạn thực hiện
1.	Nghiên cứu tuyển chọn giống và một số biện pháp kỹ thuật trồng cây diêm mạch tại Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2020 - 2021
2.	Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc, tái sinh và xác định khả năng phục hồi rừng tự nhiên tại Vườn Quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2019 - 2020
3.	Xác định cơ cấu cây trồng và kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giảm thiểu thiệt hại do Voi gây ra ở khu vực có xung đột Voi – Người, trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2018 - 2019
4.	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017 - 2018
5.	Nghiên cứu tình hình dịch bệnh và sản xuất hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) tại Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017 - 2018
6.	Phân lập, tuyển chọn và ứng dụng các chủng vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ tuyến trùng và nấm bệnh trên cây cà phê vối (<i>Coffea canephora</i> Pierre) tại Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 - 2017
7.	Nghiên cứu khả năng nhân giống cây Sâm đá (<i>Curcuma</i> sp) bằng nuôi cấy mô thực vật	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2015 - 2016
8.	Xây dựng phương pháp đa dữ liệu	Bộ Giáo	Đại học Tây	2013 – 2015

	trong đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tại Tây Nguyên	dục và Đào tạo	Nguyên	
9.	Đánh giá thực trạng và hiệu quả quản lý rừng tự nhiên giao lâu dài cho hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng và giao UBND xã quản lý tại các tỉnh ở Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2013 – 2015
10.	Nghiên cứu tuyển chọn vi sinh vật và phát triển chế phẩm sinh học phòng trừ tuyến trùng <i>Pratylenchus sp.</i> và <i>Meloidogyne spp.</i> gây hại trên cây cà phê	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2013 – 2015
b) Ngành Kinh tế nông nghiệp				
1.	Thương mại quốc tế dựa trên sự khác biệt về chất lượng hàng hóa – Cơ sở lý thuyết và thực nghiệm quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 – 2017
2.	Mô hình liên kết bền vững hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ cà phê	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 – 2017
3.	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng cho các hộ trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2011 – 2012
4.	Điều tra đánh giá thực trạng vùng nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến cà phê nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2011 – 2012
5.	Nghiên cứu và phân tích các chính sách phát triển bền vững vùng đệm các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2012 – 2013
6.	Đánh giá phân cấp quản lý công trình thủy lợi góp phần bảo đảm cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp trên lưu vực Ea Tul, tỉnh Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2008 – 2009
7.	Nghiên cứu thực trạng tổ chức quản lý và giải pháp thúc đẩy phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2005 – 2006
8.	Thực trạng và những giải pháp kinh tế chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2005 – 2006

	và một số huyện vùng ven			
9.	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế hộ đồng bào M'Nông các huyện Dak Lap, Dak Song và Dak Nong tỉnh Đắk Nông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2002 – 2003
10.	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế các xã đặc biệt khó khăn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2001-2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2001 – 2002
c) Ngành Chăn nuôi				
1.	Nghiên cứu xác định tính đa hình di truyền của gen thyroglobulin (tg5) trên quần thể bò lai hướng thịt nuôi tại Đắk Lắk nhằm cải tiến chất lượng thịt	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 – 2018
2.	Thực trạng và tiềm năng nguồn thức ăn cho gia súc nhai lại tại Tây Nguyên	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017 – 2019
3.	Nghiên cứu xác định tính đa hình di truyền của gen thyroglobulin (tg5) trên quần thể bò lai hướng thịt nuôi tại Đắk Lắk nhằm cải tiến chất lượng thịt	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 – 2018
d) Ngành Công nghệ sinh học				
1	Sàng lọc và nghiên cứu đặc tính sinh học vi khuẩn sở hữu chitinase và tạo màng sinh học ở các vườn quốc gia tại Đắk Lắk và phân tích vai trò của hệ thống gene chitinase từ vi khuẩn tiềm năng	Quỹ phát triển KHCN, Bộ KHCN (Nafosted)	Viện Công nghệ SH&MT	2020-2022
2	Nhân dòng phân tử và phân tích hệ thống gene chitinase từ vi khuẩn <i>Bacillus velezensis</i> RB.IBE29 được phân lập ở Tây Nguyên	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Viện Công nghệ SH&MT	2020-2021
3	Sàng lọc và xác định các hoạt chất có tác dụng theo hướng kháng bệnh Alzheimer từ một số cây thuốc tiềm năng của Tây Nguyên, Việt Nam	Nghị định thư, Bộ Khoa học & CN	Viện Công nghệ SH&MT	2020-2023
4	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Chân danh hoa thưa (<i>Euonymus laxiflorus</i> Champ. ex Benth.) ở Tây Nguyên làm nguyên liệu sản xuất thuốc.	Đề tài cấp nhà nước	Viện Công nghệ SH&MT	2018-2022
5	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
6	Thu thập, sàng lọc tác dụng chống oxy hóa và ức chế một số dòng tế bào ung thư của một số cây thuốc tại Đắk Lắk	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2018
7	Nghiên cứu và ứng dụng các chế phẩm	Tỉnh Đắk	Viện Công	2017-2018

	chiết xuất từ cây quế và chiêu liệu để bảo quản trái bơ, chanh dây tại tỉnh Đắk Lắk	Lắk	nghe SH & MT	
8	Nghiên cứu xác định tên khoa học, thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết của một số mẫu nấm lớn thuộc chi <i>Amauroderma</i> (linh chi đen) ở khu vực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Đại học Tây Nguyên	2017-2018
9	Nghiên cứu các giải pháp tổng hợp canh tác bền vững hồ tiêu ở Tây Nguyên	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
10	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật nội sinh kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
11	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng nấm bệnh trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
12	Nghiên cứu nhân giống cây hồ tiêu sạch bệnh bằng nuôi cấy mô tế bào	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
13	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017-2019
14	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano nhằm tổng hợp sản phẩm phân bón thông minh nâng cao năng suất và chất lượng nông sản	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2014-2016
15	Nghiên cứu khả năng nhân giống cây Sâm đá (<i>Curcuma sp.</i>) bằng nuôi cấy mô	Tỉnh Gia Lai	Đại học Tây Nguyên	2014-2016
16	Xây dựng mô hình sử dụng phân hữu cơ sinh học POLYFA-TN3 cho các cây trồng chủ lực của Tây Nguyên	Chi nhánh đề tài cấp nhà nước	Đại học Tây Nguyên	2014-2015
17	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tạo hạt nano và micro chitosan làm tá chất cho vaccine cúm A/H5N1	SKHCNC ấp Tp.HCM	Đại học Tây Nguyên	2013-2017
18	Thu thập, tuyển chọn và xác định các	Tỉnh Đắk	Viện Công	2013-2016

	chất có hoạt tính sinh học trong chữa trị bệnh tiểu đường type 2 từ một số cây thuốc bản địa ở Đak Lak	Lắk	nghe SH và MT	
19	Chọn lọc và ứng dụng một số chủng nấm ký sinh côn trùng trong đất có khả năng phòng trừ côn trùng hại rễ cà phê	tỉnh Đak Lak	Viện Công nghệ SH và MT	2012-2015
20	Exploitation of Vietnam lichen bioresource for pharmaceutical application	Hợp tác QT với ĐH QG Sunchon, Hàn Quốc	Đại học Tây Nguyên	2011-2016
21	Điều tra tuyển chọn và phát triển cây dược liệu có giá trị cao cho vùng đông nam tỉnh Gia Lai	Đề tài cấp tỉnh	Đại học Tây Nguyên	2010-2012
22	Nghiên cứu tạo hạt nano Chitosan làm tá chất cho vaccine cúm A/H1N1 và xây dựng mô hình thử nghiệm trên động vật	SKHCN Cấp Tp. HCM	Đại học Tây Nguyên	2009-2012
23	Nghiên cứu xây dựng qui trình nhân giống khoai lang cao sản (<i>Ipoaea tabatas L.</i>) bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào và xây dựng mô hình canh tác khoai lang cao sản bền vững.	Cấp Bộ	Đại học Tây Nguyên	2008-2011
24	Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm Probiotics nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo tại Đak Lak	cấp tỉnh Đak Lak	Đại học Tây Nguyên	2008-2010
25	Nghiên cứu phát triển công nghệ ủ vò cà phê thích hợp cho hộ nông dân góp phần phát triển cà phê bền vững ở Đak Lak.	Đề tài thuộc chương trình SIDA-SAREC, Tụy Điển, Bộ KH-CN	Đại học Tây Nguyên	2007-2008
26	Nghiên cứu ảnh hưởng chất điều tiết sinh trưởng nhằm giảm tỷ lệ rụng quả, tăng năng suất và một số chỉ tiêu chất lượng cà phê vối tiểu vùng Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đề tài cấp Bộ	Đại học Tây Nguyên	2006-2008

27	Nghiên cứu ứng dụng CNSH trong ủ vỏ cà phê làm đất sạch và phân bón hữu cơ vi sinh chất lượng cao	tỉnh Đak Lak	Đại học Tây Nguyên	2005-2008
28	Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường nuôi cấy không đường kết hợp với kỹ thuật tăng cường CO ₂ và O ₂ trong hộp nuôi cấy lên sự tăng trưởng của một số cây trồng có giá trị kinh tế cao trong giai đoạn in vitro và ex vitro	Đề tài cấp Bộ	Đại học Tây Nguyên	2005-2006

2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu của nghiên cứu sinh

2.4.3.1. Hội thảo khoa học do Trường tổ chức và đồng tổ chức

TT	Cấp độ hội thảo	Số lần tổ chức hội thảo trong năm
a. Lĩnh vực Nông – Lâm nghiệp		
1.	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp cấp tỉnh	01
2.	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quốc tế	01 lần/2 - 5 năm
b. Lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp		
1.	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp nông thôn	01
2.	Hội thảo liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn quốc tế	01 lần/2 – 5 năm
c. Lĩnh vực Chăn nuôi		
1.	Hội Thảo liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi Thú y cấp tỉnh	01
2.	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi khu vực Tây Nguyên, cấp quốc gia, quốc tế	01 lần/ 2 – 5 năm
d. Lĩnh vực Công nghệ sinh học		
	Hội thảo Quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học và tiềm năng ứng dụng trong nông nghiệp, dược học và thực phẩm	2 năm 1 lần

2.4.3.2. Danh mục tạp chí khoa học do Trường xuất bản

TT	Tên tạp chí	Thể loại xuất bản (in/điện tử/cả in và điện tử)	Năm bắt đầu phát hành	Số kỳ xuất bản/năm	Số điểm tối đa được tính bởi HĐCDGSNN	ISSN
1.	Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Nguyên	in	2002	06	0,75	

2.4.3.3. Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Hàng năm, các nhà khoa học của Trường chủ trì thực hiện nhiều đề tài các cấp.

Trong lĩnh vực Nông – Lâm nghiệp, trung bình hàng năm thực hiện từ 5–10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương, thực hiện các hợp tác nghiên cứu, tư vấn quốc tế, 10–20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trong quá trình học tập tại Trường, nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của khoa Kinh tế đang theo hướng tích cực. Trong 05 năm gần đây (2013-2018), các cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tham gia đào tạo chương trình thạc sĩ đã thực hiện nhiều đề tài dự án KHCN các cấp, trong đó có 3 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 1 đề tài nghiên cứu cơ bản Nafosted, 12 đề tài cấp Bộ, Tỉnh, gần 80 đề tài cấp Cơ sở. Thông qua các kết quả nghiên cứu của đề tài, các cán bộ đã công bố gần 90 bài báo khoa học trên tạp chí trong và ngoài nước, trong đó có nhiều bài báo quốc tế.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, trung bình hàng năm thực hiện 5 – 10 đề tài cấp cơ sở, 1 – 2 đề tài cấp bộ.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
- Số đợt tuyển sinh trong năm: 2 đợt/năm (Dự kiến vào tháng 6 và tháng 11/2020).
- Thời gian đào tạo: 03 năm (đối với ứng viên đã có bằng thạc sĩ), 04 năm (đối với ứng viên có bằng đại học).

2.6. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Bằng mức lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học phí: Theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Chính sách khuyến khích học tập: Nghiên cứu sinh có thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận án trước hoặc đúng hạn được Nhà trường xem xét khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy chế tài chính nội bộ của Trường.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

3.1.1.1. Lĩnh vực Nông – Lâm nghiệp, Công nghệ sinh học

a) Phòng thí nghiệm Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy tính phân tích GIS, tin học	25
2.	GPS trạm	01
3.	Máy đo cây Laser RD100	02
4.	Máy giám sát tài nguyên rừng Laser	04

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
5.	Địa bàn, clinonimter	15
6.	Máy đo không khí đa năng	10
7.	Máy đo cảm ứng hóa tính đất	01
8.	Máy đo pH đất	10
9.	Máy đo đất và hóa chất	01
10.	Bitterlich Đức	9
11.	Thước đo tăng trưởng	20
12.	Lưới mờ giám sát chim MIST NET D70/19 Ecotone Balan	1
13.	Bộ thu phát sóng không dây	2
14.	Máy quay phim, chụp ảnh ban đêm để giám sát thú:	2
15.	GPS	15
16.	Máy chiếu	4
17.	Phần mềm GIS, viễn thám có bản quyền: Envi, ArcGIS, eCognition và các phần mềm thống kê thông dụng: SPSS, Staggraphic	Bộ

b) Phòng thí nghiệm Bảo vệ thực vật

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Ống nhôm hiệu Sterner	1
2.	Tủ sấy	3
3.	Kính lúp 2 mắt điện tử AKRUSS	5
4.	Máy đo độ ẩm không khí, nhiệt độ, tốc độ gió	5
5.	Máy đo độ pH đất, đo độ ẩm đất	5
6.	Máy đo cường độ ánh sáng, nhiệt độ không khí	6
7.	Máy đo chỉ tiêu không khí, thời tiết đa năng	2
8.	Máy đo ánh sáng cầm tay LUTRON	1
9.	Máy sunto đo cao kèm địa bàn	8
10.	Máy định vị vệ tinh GPS	6
11.	Thước kẹp điện tử Nhật	10
12.	Cân điện tử	5
13.	Cân kỹ thuật	7
14.	Ấm kế	2
15.	Ấm kế + nhiệt kế	3

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
16.	Nhiệt kế đất	10
17.	Vũ lượng ký chao lật	4
18.	Bộ bốc hơi	2
19.	Khí áp ký	1
20.	Máy bơm khí	1
21.	Khí áp	1
22.	Ấm kế tự ghi	2
23.	Nhật quang ký	1
24.	Máy quang phổ	1
25.	Kính hiển vi 1 mắt	5
26.	Micropipete thay đổi thể tích	3
27.	Máy ủ nhiệt lạnh	1
28.	Máy đếm khuẩn lạc	1
29.	Máy đo pH cầm tay	1
30.	Máy chụp ảnh cho kính hiển vi soi nổi	1
31.	Bếp gia nhiệt	1
32.	Máy cất nước 1 lần	1
33.	Máy li tâm	1
34.	Máy li tâm lạnh	1
35.	Máy lắc vòng	1
36.	Thiết bị nhân gel	1
37.	Nồi hấp tiệt trùng đứng	1
38.	Nồi hấp đứng HUXLEY	1
39.	Tủ định ôn	1
40.	Buồng điện di ngang loại lớn	1
41.	Bộ nguồn điện di	1
42.	Hệ thống đo dữ liệu điện di	1
43.	Kính hiển vi 2 mắt	2
44.	Kính hiển vi soi nổi	1
45.	Kính hiển vi cùng hệ thống camera	1

c) Phòng thí nghiệm Sinh học thực vật

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy Quang phổ UV-Vis OPTIMA	1
2.	Máy lắc, Sturat	3
3.	PH kế, InoLab	3
4.	Cân điện tử, Ohaus	3
5.	Bếp điều nhiệt, BS 50	1
6.	Máy cất nước 2lần, Aquarton	2
7.	Autoclave, HL-341	2
8.	Tủ sấy, Sanyo	3
9.	Tủ ẩm	2
10.	Tủ lạnh, Sharp	3
11.	Tủ lạnh sâu, Sanyo	1
12.	Kính hiển vi, Olympus	20
13.	Máy hút ẩm, electrolux	3
14.	Máy đo CO2 hồng ngoại	1
15.	Nồi cách thủy	3
16.	Box cấy vô trùng, MS 1234	2
17.	Máy đo thủy phần, Sanyo	2
18.	Máy khuấy vạn năng	1
19.	Máy hút chân không, No. 22AN.18	1
20.	Máy quang phổ	1
21.	Quang kế ngọn lửa	1
22.	Lò nung, Carbolite	1
23.	Máy Kjeldahl	2
24.	PH kế	3
25.	Máy li tâm, EBA 12	2
26.	PCR, Pharmacia	1
27.	PCR, AB	1
28.	Li tâm lạnh, Eppendof	1
29.	Kính hiển vi chụp hình, Olympus	1
30.	Kính lúp soi nổi chụp hình, Olympus	1
31.	Bộ điện di	2

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
32.	Bộ UV soi gel	1
33.	Bộ điện di protein đứng	01
34.	Đèn soi UV	01
35.	Kính hiển vi huỳnh quang	01
36.	Cô quay chân không	01
37.	Máy đo diệt lục	01

d) Phòng thí nghiệm Viện công nghệ sinh học và môi trường

I	Trung tâm Phân tích	
1	Sắc ký lỏng khối phổ LC/MS, Thermo Scientific	1
2	Sắc ký khí khối phổ GC/MS, Thermo Scientific	1
3	Quang phổ UV/VIS + PC + phần mềm, Jasco	1
4	Quang phổ hấp phụ nguyên tử (AAS), Shimadzu	1
5	Hệ thống sắc ký cột, Spectrum	1
6	Điện di ngang, BioRad	1
7	Bộ nguồn điện di, Biorad	1
8	Cân phân tích, Ohaus	1
9	Cân kỹ thuật, Ohaus	2
10	Máy phân tích khí + Kits	1
11	Điện di SDS Page, Ohaus	1
12	Máy cô quay chân không, IKA	2
15	Ly tâm lạnh 16,000 rpm	1
16	Máy cất nước 1 lần, Aquatron	1
17	Máy cất nước 2 lần, Aquatron	1
18	Tủ sấy đôi lưu	2
19	Máy phân tích sinh hóa	1
42	Máy phân tích xơ	1
43	Máy nghiền mẫu phân tích	1
44	Đồng hóa mẫu siêu âm	1

45	Lux meter	1
46	Máy rửa dụng cụ tự động, Miesle	1
47	Máy đọc ELISA	1
48	Máy rửa ELISA	1
49	Máy nghiền cứu Quang hợp, hô hấp thực vật, đất, PPsystem	1
II	Phòng TN Sinh học Phân tử	
51	Cân phân tích, Haus	1
52	Tủ sấy, Memmert	1
53	Nồi hấp vô trùng, Sturdy	1
54	PCR system, C100 BioRad	1
55	pH meter	1
56	Tủ lạnh sâu (-30°C), Sanyo	1
57	Máy phân tích ADN/protein, Biorad	1
58	Tủ lạnh thường	2
59	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao, Hettich	1
60	Pipettors, BioRad	5
61	RT-PCR, BioRad	1
62	Điện di mini, BioRad	1
63	Bộ nguồn điện di, BioRad	1
64	Tủ thao tác PCR,	1
65	Tủ cấy an toàn sinh học Class II, Daiki	1
66	Hệ thống chụp ảnh Gel tự động, BioRad	1
67	Máy ủ nhiệt	1
68	Hệ thống tinh lọc nước	1
III	Phòng TN Công nghệ vi sinh	
69	Máy định danh vi sinh tự động+ KITS	1
70	Hệ thống lên men tự động	1

71	Máy làm sạch không khí	1
72	Ly tâm dung tích lớn (6000 rpm, volume 100ml)	1
73	Tủ sấy chân không	1
74	Máy ly tâm lạnh	1
75	Burette kỹ thuật số	5
76	Bình hút ẩm chân không	5
77	Lò vi sóng	2
78	Bếp gia nhiệt	3
79	Máy đông khô	1
80	Máy khuấy từ kỹ thuật số	2
81	Máy lắc ổn nhiệt	2
82	Tủ cấy an toàn sinh học cấp II	2
83	Tủ cấy an toàn sinh học	2
84	Thiết bị làm sạch không khí	2
85	Tủ ẩm	2
86	Tủ ẩm CO ₂	1
87	Kính hiển vi đảo pha + nối máy tính	1
88	Tủ sấy đối lưu không khí	2
89	Cân phân tích,	1
90	Cân kỹ thuật	1
91	Nồi hấp vô trùng	1
92	Máy cất nước 2 lần	1
93	Máy lắc ổn nhiệt	2
94	Máy lắc vòng	2
95	Tủ lạnh	2
96	pH kế	1
97	Máy đếm khuẩn lạc	1

98	Thiết bị định danh vi sinh tự động	1
99	Hệ thống lên men (14 liter)	1
100	Tủ lạnh sâu (-30 ⁰ C)	1
101	Micropipettes	2
102	Ly tâm lạnh	1
103	Máy rửa dụng cụ	1
104	Hệ thống lọc không khí	1
105	Kính hiển vi + Camera	6
IV	Phòng TN CNSH Các Hợp Chất Tự Nhiên	
106	Máy nghiền mẫu ướt	01
107	Máy đông khô	01
108	Lò vi sóng	01
109	Hệ thống quang phổ hấp phụ nguyên tử (AAS), Shimazu, A7000	01
110	Máy đồng nhất mẫu	01
111	Hệ thống sắc ký cột	01
112	Tủ lạnh, Samsung	02
113	Hệ thống phòng sạch	01
114	Hệ thống Sắc kí lỏng cao áp (UPLC)	01
115	Hệ thống sắc kí điều chế (Pre-HPLC)	01
116	Thiết bị chiết CO2 siêu tới hạn	01
117	Thiết bị chiết nhanh cao áp	01
114	Tủ sấy chân không	01
V	Phòng nghiên cứu di truyền & công nghệ tế bào thực vật	
115	Thiết bị cô quay chân không	1

116	Máy lắc đa chiều	2
117	Tủ cấy vô trùng	1
118	Bioreactor nuôi cấy tế bào thực vật + Thiết bị phụ trợ	1
119	Hệ thống ELISA (Reader & Washer)	1
120	Máy ly tâm dung tích lớn thu sinh khối	1
121	Máy phân phối môi trường	2
122	Máy hút môi trường	2
123	Pipette đa kênh điện tử	10
124	Hệ thống đèn sáng (đèn, lux meter, timer, âm kế)	6
125	Thiết bị biến nạp bằng sốc nhiệt	1
126	Máy quang phổ UV-Vis	1
127	Buồng sinh trưởng	1
128	Thiết bị chuyển gene bằng xung điện	01
129	Hệ thống gây đột biến tế bào bằng tia X	01
129	Máy nhân gene PCR (Thermocycler)	01
VI	Phòng thí nghiệm công nghệ nano	
1	Hệ thống sấy phun nano	01
2	Phòng sạch Clean Bench	01

3	Tủ cấy vô trùng cấp 2	01
4	Kính hiển vi điện tử SEM-EDS	01
5	Thiết bị đo kích thước, điện thế hạt Nano Plus	01
6	Kính hiển vi huỳnh quang ngược pha	01
7	Pipette đa kênh điện tử	10
VII	Xưởng Nghiên Cứu Phát Triển Sản Phẩm Sinh Học	
1	Hệ thống Bioreactor tự động, 250 L	02
2	Hệ thống Fermentor tự động, 125 L	01
3	Tủ cấy vô trùng	02
4	Tủ ẩm nuôi cấy	02
5	Máy cất nước	01
6	Tủ sấy Memmert	02
7	Máy lắc ổn nhiệt	02
8	Tủ lạnh	05
9	Cân phân tích	02
10	Cân kỹ thuật	02
11	Máy ly tâm	01
11	Hệ thống nhà kính	500 m ²

3.1.1.2. Các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Laptop (đào tạo)	Mỹ, Nhật Bản; 2006, 2008	19	Tất cả các học phần

2	Projector (đào tạo)	Nhật Bản, Trung Quốc; 2008, 2010	20	Tất cả các học phần
3	Máy tính (kết nối internet, khai thác phần mềm thư viện)	Mỹ, Việt Nam; 2010	120	Tất cả các học phần
4	Máy in (đào tạo)	Nhật Bản, Trung Quốc; 2007, 2010	25	Tất cả các học phần
5	Phần mềm ứng dụng (đào tạo)	Việt Nam, 2005	4	Kinh tế, Kế toán và Quản lý
6	Máy photocopy (đào tạo)	Nhật Bản	2	Tất cả các học phần
7	Dữ liệu ebooks chuyên ngành kinh tế (đào tạo)		1	Tất cả các học phần
8	Thư viện - Phòng đọc (hơn 500 chỗ ngồi) - Kho mở (hơn 3000 đầu sách) - Phòng tra cứu - Thư viện số (hơn 1000 tài liệu)	3.200 m ²	1	Tất cả các học phần
9	Phòng học		150	Tất cả các học phần

3.1.1.3. Các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo chuyên ngành Chăn nuôi

a) Phòng thí nghiệm bộ môn Chăn nuôi Chuyên khoa

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Camera xách tay Sony (Số 0705) HDR-HC5E	01
2	Máy ảnh KTS: Canon -PowerShort.A3000IS	01
3	TB - Tủ sấy điện tử MEMMERT (Số 0502)	01
4	TB - Cân phân tích 4 số lẻ Satorius	01
5	TB - Chung cất đạm tự động: Velp - UDK149 - ý	01
6	TB - Định màu sắc thịt: Konica-CR410 (+ Print DP400)	01
7	TB - đo độ dày mỡ lưng lợn Lean-Meter Series 12	01
8	TB - đo pH nước : Consort-C5010 - Bỉ	02
9	TB - đo pH thịt: Testo - 230 - Đức	02
10	TB - Kính hiển vi: 2 thị kính Olympus - CH20	01
11	TB - Micropipette: Thermo - F2 - Phần lan	02

12	TB - Nồi hấp tiệt trùng đứng HY RAYAMA (Số 12)	01
13	TB - Phân tích thành phần của sữa DANLAC	01
14	TB - Bộ đồ mổ gia súc - Nhật (KK 2016)	02
15	TB - đo pH để bàn: Hana-pH123 (KK 2016)	01
16	TB - đo thủy phần mặt ong(Số 1)	01
17	TB - GPS Garmin -72	01
18	TB - Kính hiển vi 1 mắt: Labomed-CXL	01
19	TB - Kính hiển vi: Olympus - CH10 (KK 2016)	01
20	TB - Lò nung FX2 2.5-10 (100oC/220V (Số 0503)	01
21	TB - lọc xơ (Số 1)	01
22	TB - Thước panme đo trứng gia cầm: Mitutoyo-104-135A - Nhật	01

b) Phòng thí nghiệm bộ môn Sinh học Vật nuôi

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Camera soi nội: Secam - SC3194 (nối kính HV-CH20)	01
2	TB - Tủ lạnh (Số 0804) Toshiba 180 lít không đông tuyết	01
3	TB - Tủ sấy điện tử MEMMERT (Số 0503)	01
4	Kính hiển vi 2 mắt: Labomed - Cxl	06
5	Kính hiển vi: 2 thị kính Olympus - CH20	01
6	TB - Cân điện tử KWB600 Mear-4002	01
7	TB - Cân phân tích Storius (Số 10)	01
8	TB - đo màu sắc thịt ACCURACY MICROSEN SOR(Số1)	01
9	TB - Khúc xạ kế để bàn ARS(Số 1)	01
10	TB - Lò nung Carbolite thể tích 14 lít (Số 2)	01
11	TB - Ly tâm HETTICH (Số 12)	01
12	TB - Máy xay thịt: Jackia-Gali	01
13	TB- bếp cách thủy MEMMERT (Số 15)	01
14	TB- bếp cách thủy MEMMERT (Số 15)	05
15	Projector: Panasonic PT-VX42Z	01
16	Huyết áp kế ALPK2 + ống nghe	01
17	Kính hiển vi 1 mắt: Labomed-CXL	05
18	Kính hiển vi: Olympus - CH10	05

19	Máy ảnh KTS Canon A620 (số 0508)	01
20	TB - đo (Số 0803) pH để bàn: Hanna - pH213	01

c) Bộ môn Cơ sở Thú y

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	PC bàn - Digi/LCD-17" (nối với kính hiển vi)	01
2	Projector/Overhead xách tay: Vega	01
3	Projector Panasonic PT-LB 50EA	01
4	Camera xách tay Sony TRV-460E	01
5	TB - Tủ ẩm: Axiom IN-010-57	06
6	TB - Tủ sấy: Memmert - UM.400 (Số 0403)	01
7	Kính hiển vi: Labomed- chụp ảnh nối máy vi tính DIGI 2	01
8	TB - box cấy vô trùng	01
9	TB - Cân kỹ thuật OHAUS (Số 22)	01
10	TB - Cân phân tích điện tử: Satorius TE-214S	01
11	TB - Cất nước 1 lần: Merit - A4000	01
12	TB - đếm khuẩn thủ công WE (Số 0601)	01
13	TB - Ly tâm: Harmonic (Số 0605)	01
14	TB - Nồi hấp tiệt trùng ngang SA-500A	01
15	TB - Phân tích nước cầm tay 975MP-02	05
16	TB- bếp cách thủy: Lab BW-20E	01

d) Phòng thí nghiệm bộ môn Ngoại sản Ký sinh

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	TB - Bàn Mổ thủy lực đa năng-3008 B	02
2	TB - Cất nước 1 lần + Bộ lọc đa cấp (Mỹ)-Bibby-W4000-England	1
3	TB - Dao mổ điện-ALSA-SU 100M-Itali	1
4	TB - Kính HV 2 mắt: Optika -B192 – ý	03
5	TB - Kính HV: Labomed - CXR3	1
6	TB - Máy phân tích huyết học: Diatron-Abacus -	1
7	TB - Máy siêu âm trắng đen: Aloka SSD-500 - Japan	1
8	TB - Nồi hấp Study-SA – 252 F-Taiwan	1
9	TB - Tủ cấy vô trùng ESCO-AVC-4D1-Singapo	1
10	Máy ảnh KTS: Canon -PowerShot.A3000IS	1

11	TB - Cân kỹ thuật OHAUS (Số 4)	1
12	TB - Đèn mô đi động 4 bóng SMIC-L-734-China (KK 2016)	1
13	TB - Đèn tử ngoại tiệt trùng đi động	1
14	TB - Hút dịch 7A-23D-China	1

e) Bộ môn Nội nhiễm

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	TB - Tủ âm IN-010-57 Hãng AXIOM (Số 0502)	01
2	TB - Tủ âm Sanyo MIR 93Q (Số 10)	01
3	TB - Tủ sấy PROLABO EU 53 lít (Số 6)	01
4	TB - Box cấy vô trùng: Laminar	01
5	TB - Cân phân tích điện tử TE 214S Satorius	01
6	TB - đếm khuẩn lạc SC5 hiệu STUAT(Số 1)	01
7	TB - Đồng nhất mẫu vi sinh: Ika-T25digital Ultra - TQ	01
8	Kính hiển vi 2 mắt Labomed CxL	05
9	Bộ đồ phẫu thuật gia súc 32 món AS-1. Model: 531	01
10	TB - đo pH để bàn: Hana - pH213	01
11	TB - bếp chưng cách thủy Polabo	03
12	TB - Cân kỹ thuật điện tử CL201T Ohaus	01

3.1.2. Phòng học, phòng bảo vệ luận văn, luận án

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	50
4	Phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Phòng bảo vệ luận văn, luận án	10

3.1.3. Học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

3.1.3.1. Tài liệu truyền thống (dạng in)

Nhóm ngành	Số lượng
Nhóm ngành V (Nông Lâm nghiệp, Chăn nuôi)	200
Nhóm ngành III (Kinh tế)	200

3.1.3.2. Báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học

a. Lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp

- Báo, tạp chí tiếng Việt (số lượng) loại: 106
- Báo, tạp chí tiếng nước ngoài (số lượng) loại: 34
- Đề tài nghiên cứu khoa học (số lượng) cuốn: 30

b. Lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1.	Intermediate microeconomics: a modern approach (Hal R. Varian, 9th Edition)	New York, 2016	10	Kinh tế vi mô nâng cao
2.	Principles of Macroeconomics (Karl E. Case, Ray C. Fair)	Prentice Hall, 2012	10	Kinh tế vĩ mô nâng cao
3.	Principles of Economics (N. Gregory Mankiw, 7th Edition)	South-Western College Publishing, 2014	10	Kinh tế vi mô nâng cao Kinh tế vĩ mô nâng cao
4.	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô (NXB Giáo dục)	Việt Nam, 2013	100	Kinh tế vi mô nâng cao Kinh tế vĩ mô nâng cao
5.	Principles of Agricultural Economics	TNAU, 2017	10	Kinh tế sản xuất nông nghiệp
6.	Agricultural Production Economics (2nd edition)	University of Kentucky, 2012	10	Kinh tế sản xuất nông nghiệp
7.	Agricultural Value Chain Analysis	2014	10	Kinh tế sản xuất nông nghiệp
8.	Đổi mới chính sách nông nghiệp ở Việt Nam	Việt Nam, 2014	20	Chính sách nông nghiệp
9.	Agricultural Policy: Perspectives from the Philippines and Other Developing Countries	University of the Philippines, 2013	10	Chính sách nông nghiệp
10.	Rural Development	National Report Israel, 2016	10	Phát triển nông thôn
11.	Econometrics	University of Wisconsin, 2018	10	Kinh tế lượng ứng dụng
12.	Phương pháp định lượng trong quản lý	Việt Nam, 2012	10	Kinh tế lượng ứng dụng
13.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và	Việt Nam, 2012	10	Phương pháp

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	viết luận văn thạc sĩ	2014		nghiên cứu khoa học kinh tế
14.	Economics Development (12th edition)	The Pearson, 2017	10	Kinh tế Phát triển nâng cao
15.	Marketing nông nghiệp	Việt Nam, 2012	30	Marketing nông nghiệp
16.	Quản trị dự án (Joseph Heagney)	Việt Nam, 2012	20	Dự án phát triển nông thôn
17.	International Economics: Theory and Policy (Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, Marc J. Melitz)	The Pearson, 2013	10	Kinh tế quốc tế nâng cao
18.	Quản trị nguồn nhân lực (Trần Kim Dung)	Việt Nam, 2015	50	Quản lý nguồn nhân lực
19.	Farm Management Resource Guide	Iowa State University, 2012	10	Quản trị nông trại
20.	Kinh tế nông trại	Việt Nam, 2013	20	Quản trị nông trại
21.	Rural Finance	IFAD, 2016	10	Tài chính nông thôn
22.	Hệ thống nông nghiệp (Trần An Phong)	Việt Nam, 2010	20	Hệ thống nông nghiệp
23.	Principles of Economics (8 th edition, N. Gregory Mankiw)	Cengage Learning, 2018,	20	Kinh tế học ứng dụng
24.	Integrated Agricultural Research for Development - from concept to practice	Forum for Agricultural Research in Africa, 2013	10	Phát triển nông nghiệp và hội nhập
25.	Phương pháp định lượng trong quản lý	Việt Nam, 2012	10	Ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong nghiên cứu kinh tế
26.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Việt Nam, 2014	10	Ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong nghiên cứu kinh tế
27.	Chiến lược cạnh tranh	Porter M. E.	5	Phân tích năng lực cạnh tranh
28.	Lợi thế cạnh tranh	Porter M. E.	5	Phân tích năng lực cạnh tranh
29.	Lợi thế cạnh tranh quốc gia	Porter M. E.	5	Phân tích năng lực cạnh tranh

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
30.	Sustainable Agricultural Development for food security and nutrition	Committee on World Food Security, 2016	10	Kinh tế và phát triển bền vững
31.	Economics Development (12th edition, Michael P. Todaro, Stephen C. Smith)	The Pearson, 2017	10	Kinh tế và Phát triển bền vững
32.	Sustainable Agricultural Development for food security and nutrition (Patrick Caron et. al.)	Committee on World Food Security, 2016	10	Kinh tế và Phát triển bền vững
33.	Introduction to Mixed Methods in Impact Evaluation (<i>Bamberger M.</i>)	Washington DC: InterAction, 2012	5	Đánh giá tác động
34.	Impact Evaluation in UN Agency Evaluation Systems: Guidance on Selection, Planning and Management. Guidance Document (<i>UNEG</i>)	New York: United Nations Evaluation Group, 2013	5	Đánh giá tác động
35.	Building a Modern Marketing Organization	CMO, 2015	5	Tổ chức và hoạt động của thị trường
36.	Benefit - Cost Analysis	University of Queensland, 2015	10	Phân tích lợi ích chi phí nâng cao
37.	Hướng dẫn phân tích chi phí - lợi ích cho các quyết định đầu tư	Glenn Jenkins and Arnold Harberger, 2012	10	Phân tích lợi ích chi phí nâng cao
38.	Cost – Benefit Analysis: Cases and materials (E. Quah and R. Toh	London and New York, 2012	5	Phân tích lợi ích - chi phí nâng cao
39.	Cost-Benefit Analysis Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets (Second , H. F. Campbell and R. P. C. Brown).	London and New York, 2016.	5	Phân tích lợi ích - chi phí nâng cao
40.	“Guide to Cost-benefit Analysis of Investment Projects: Economic appraisal tool for Cohesion Policy 2014-2020,” (Sartori et al.,)	European Union, 2015	5	Phân tích lợi ích - chi phí nâng cao
41.	Principles of Agricultural Economics	TNAU, 2017	10	Chuyên đề kinh tế nông nghiệp

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
42.	Agricultural Production Economics (2nd edition, David L. Debertin)	University of Kentucky, 2012	10	Chuyên đề kinh tế nông nghiệp
43.	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế		20	Các học phần chuyên ngành
44.	Tạp chí Kinh tế phát triển		20	
45.	Tạp chí Kinh tế đầu tư		20	
46.	Tạp chí Phát triển nông thôn		20	
47.	Tạp chí Khoa học và phát triển – Học viện Nông nghiệp Việt Nam		20	
48.	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Tây Nguyên		200	

c. Lĩnh vực Chăn nuôi

- Báo, tạp chí tiếng Việt (số lượng) loại: 100
- Báo, tạp chí tiếng nước ngoài (số lượng) loại: 25
- Đề tài nghiên cứu khoa học (số lượng) cuốn: 30

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn NCS theo các ngành

3.2.1. Khoa học cây trồng

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Trần Trung Dũng	X				Thổ nhưỡng
2	Nguyễn Xuân An			X		Trồng trọt
3	Trần Ngọc Duyên			X		Khoa học cây trồng
4	Nguyễn Văn Nam	X				Bảo vệ Thực vật
5	Nguyễn Văn Minh			X		Khoa học cây trồng
6	Phan Văn Tân	X				Sinh lý Thực vật
7	Nguyễn Văn Sanh			X		Đất - phân bón, Trồng trọt
8	Nguyễn Đình Sỹ			X		Công nghệ sinh học
9	Hoàng Văn Chuyển			X		Khoa học thực phẩm
	Tổng	3		6		

3.2.2. Lâm sinh

STT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Bảo Huy		X			Lâm học

2	Võ Hùng			X		Lâm học
3	Cao Thị Lý			X		Lâm học
4	Nguyễn Thị Thanh Hương	X				Khoa học rừng và Cảnh quan
5	Nguyễn Thanh Tân			X		Điều tra rừng
6	Đào Xuân Thu			X		Công nghiệp rừng
	Tổng	1	1	4		

3.2.3. Kinh tế nông nghiệp

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Lê Đức Niêm	X				Kinh tế
2	Nguyễn Thị Hải Yến			X		Kinh tế Nông nghiệp
3	Đỗ Thị Nga			X		Kinh tế Nông nghiệp
4	Nguyễn Văn Hóa			X		Kinh tế Nông nghiệp
5	Nguyễn Ngọc Thắng			X		Kinh tế Nông nghiệp
6	Nguyễn Thanh Trúc			X		Kinh tế Công nghiệp
7	Dương Thị Ái Nhi			X		Kinh tế Phát triển
8	Lê Thế Phiệt			X		Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Văn Đạt			X		Quản trị kinh doanh
	Tổng	1		8		

3.2.4. Chăn nuôi

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1.	Trần Quang Hân	X				Di truyền chọn giống
2.	Phạm Thế Huệ	X				Di truyền chọn giống
3	Trương Tấn Khanh			X		Dinh dưỡng & Thức ăn
4	Trần Quang Hạnh	X				Chăn nuôi
5	Văn Tiến Dũng	X				Chăn nuôi
6	Nguyễn Tuấn Hùng			X		Chăn nuôi
7	Vũ Tiến Quang			X		Chăn nuôi
	Tổng	4		3		

3.2.5. Công nghệ sinh học

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Nguyễn Anh Dũng		x			Sinh học/Hóa sinh
2	Nguyễn Quang Vinh	x				Sinh học thực phẩm
3	Nguyễn Phương Đại Nguyên,	x				Sinh học/Sinh thái học
4	Nguyễn Văn Bốn			x		Hóa sinh/ Hóa học
5	Trần Minh Định			x		Hóa sinh/ Khoa học sự sống và thực phẩm
6	Nguyễn Thị Thanh			x		Hóa sinh/Sinh học
7	Trần Thị Phương Hạnh			x		Di truyền/Sinh học
8	Nguyễn Ngọc Đình			x		Sinh học phân tử bệnh học
	Tổng	2	1	5		

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

TT	Tên cơ sở đào tạo, nghiên cứu đã ký các thỏa thuận hợp tác - Họ và tên giảng viên (Nhóm ngành III)	Chức danh KH	Học vị	Quốc tịch	Cơ quan công tác
1.	Đại học Bang Oregon (OSU) Temesgen Hailemariam	GS	TS	Hoa Kỳ	Bộ môn Công nghệ và quản lý tài nguyên rừng FERM, Khoa Lâm Nghiệp
2.	Trường Đại học Wisconsin-Madison Volker Radeloff	GS	TS	Hoa Kỳ	Bộ môn Rừng và Sinh thái hoang dã
3.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Ro-Dong Park	GS	TS	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống
4.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Kill Yong Kim	GS	TS	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống

5.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Woo Jin Jung	PGS	TS	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống
6.	Đại học Niigata, Nhật Bản Takeshi Watanabe	GS	TS	Nhật Bản	Khoa Nông nghiệp
7.	Đại học Niigata, Nhật Bản Kazuki Suzuki	GS	TS	Nhật Bản	Khoa Nông nghiệp
8.	Đại học Hoàng tử SongkLa Kua-anan Techato	GS	TS	Thái Lan	Khoa Kinh tế nông nghiệp và môi trường
9.	Đại học Chonnam Taegi Kim	GS	TS	Hàn Quốc	Khoa Kinh tế
10.	Đại học Lemans Frederic Fortunel	GS	TS	Pháp	Khoa Địa lý xã hội
11.	Đại học Tamkang, Đài Loan San Lang Wang	GS		Đài Loan	Công nghệ Hóa sinh, vi sinh ứng dụng
12.	Đại học Chonnam, Hàn Quốc Kil Yong Kim	GS		Hàn Quốc	CNSH Nông nghiệp thân thiện với môi trường
13.	Đại học Niigata, Nhật Bản Suzuki K.	GS		Nhật Bản	Công nghệ gene
14.	UC riverside, Hoa Kỳ Philippe Rolshausen	GS		Hoa Kỳ	Sinh học phân tử
15.	Đại học Y khoa Cao Hùng, Đài Loan ChiaHung Yen	PGS		Đài Loan	Công nghệ sinh học các hợp chất tự nhiên ứng dụng trong y học

16.	Đại học Copenhagen	GS	TS	Đan Mạch	Khoa Kinh tế
17.	Đại học Tennessee	GS	TS	Mỹ	Khoa Kinh tế

3.4. Kiểm định chất lượng

Hiện nay, Trường Đại học Tây Nguyên đang trong quá trình hoàn thành Báo cáo tự đánh giá theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ, trong những năm gần đây, Trường Đại học Tây Nguyên đã chủ động hợp tác với các trường đại học nước ngoài thuộc các quốc gia và vùng lãnh thổ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, ... trong việc đào tạo cán bộ, sinh viên, tổ chức hội thảo khoa học, trao đổi học thuật. Trường đã ký hợp đồng với nhiều giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh cùng với giảng viên của Trường; đã và sẽ tiếp tục cử giảng viên của Trường sang các Trường đối tác ở nước ngoài để trao đổi kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức quản lý đào tạo sau đại học, trao đổi kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ,...

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG - *ht*

TS. Nguyễn Thanh Trúc

